

Số: 33/2018/QĐST- DS

Đ, ngày 20 tháng 6 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 51/2018/TLST – DS, ngày 17 tháng 5 năm 2018,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968

Ông Võ Văn Đ, sinh năm: 1963

Cùng địa chỉ: Làng G, xã H, huyện Đ, tỉnh GL.

Bị đơn: Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Tân Tiến, xã T, huyện Đ, tỉnh GL.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền nợ: Bà Nguyễn Thị T, ông Võ Văn Đ và bà Trịnh Thị T tự nguyện thỏa thuận và đi đến thống nhất bà Trịnh Thị T còn nợ bà Nguyễn Thị T, ông Võ Văn Đ số tiền 132.600.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu sáu trăm ngàn) và không yêu cầu tính lãi suất.

2.2 Về phương thức và thời hạn trả nợ: bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Đ đồng ý để cho bà Trịnh Thị T thanh toán số nợ 132.600.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng) làm thành 02 đợt:

Đợt 01: ngày 01/01/2019 bà Trịnh Thị T thanh toán số tiền 62.600.000 đồng (Sáu mươi hai triệu sáu trăm ngàn) cho bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Đ.

Đợt 02: ngày 01/6/2019 bà Trịnh Thị T thanh toán số tiền 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu) cho bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Đ là dứt điểm.

Trong trường hợp bà Trịnh Thị T vi phạm một trong các lần trả nợ thì bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Đ có quyền yêu cầu thi hành án toàn bộ số tiền mà bà Trịnh Thị T còn nợ lại.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. *Về án phí*: Các bên đương sự hòa giải thành nên được giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.315.000đ (Ba triệu ba trăm mười lăm ngàn đồng). Các bên đương sự thỏa thuận: Bà Trịnh Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 1.657.500 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 1.657.500 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng) nhưng bà T, ông Đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.315.000 đồng. Bà T, ông Đ được nhận lại số tiền 1.657.500 đồng theo Biên lai số 0002609, ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Viết Minh Quân